TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:127/2025/DS-PT
Ngày: 15 -5 -2025
V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng
Bà Ngô Thị Kim Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2025/QĐPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tấn L - Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T; Địa chỉ: số C đường N, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thạch R, sinh năm 1948. (chết 23/12/2024)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch R:

- Bà Thạch Thị N, sinh năm 1977.
- Bà Thạch Thị Bạch M1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Thạch Nghi X, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 6 đường A, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Bạch M1, ông Thạch Nghi X: Ông Thạch Trần Thế N1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số G, Khóm A, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 30/12/2024);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thạch R: Ông Kim Ron T là Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Thạch Thị Bạch M1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Thạch Nghi X, sinh năm 1983. (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: 6 đường A A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Bạch M1: Ông Thạch Trần Thế N1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số G, Khóm A, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 17/4/2024. (có mặt)

Người kháng cáo: ông Thạch R là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

- Vào ngày 03/02/2013, bà Thạch Thị S có hỏi mượn bà Huỳnh Thị M số tiền 210.000.000 đồng để chăn nuôi heo, khi vay tiền thì bà S có viết biên nhận nợ cho bà M nhưng không có thể hiện thời gian trả tiền, không lấy lãi. Đến ngày 22/5/2013 thì bà Thạch Thị S tiếp tục hỏi mượn bà Huỳnh Thị M thêm số tiền 75.000.000 đồng để chăn nuôi heo. Hai lần bà S mượn tiền đều viết biên nhận cho bà M, lúc này hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 5.000.000 đồng/tháng đối với tổng số tiền đã mượn là 285.000.000 đồng. Khi mượn tiền của bà M thì bà S là người trực tiếp nhận tiền, chồng bà S không biết việc bà S mượn tiền của bà M. Bà S có đóng lãi cho bà M được 5 lần thì ngưng đóng lãi và hứa khi nào chăn nuôi heo có lời thì sẽ trả tiền cho bà M nhưng bà S đều nói nuôi heo bị thua lỗ, vì tình nghĩa nên bà M cho bà S trả dần. Đến ngày 22/01/2022, bà S có trả cho bà M số tiền là 141.000.000 đồng nên còn nợ lại

bà M số tiền 144.000.000 đồng. Đến ngày 29/8/2022, bà S tiếp tục trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng và còn nợ bà M số tiền 139.000.000 đồng. Bà S có ký biên nhận còn nợ bà M số tiền 139.000.000 đồng. Các biên nhận đề ngày 03/2/2013, ngày 10/4/2018, ngày 11/02/2019, tờ cam kết, biên nhận ngày 23/7/2020 và ngày 22/01/2022 là chữ ký và chữ viết của bà Thạch Thị S. Các biên nhận còn lại là chữ viết của bà M và bà Thạch Thị S ký tên. Đến tháng 12/2022, bà S chết bà M đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà S trả nợ cho bà M nhưng gia đình bà S không đồng ý nên bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu ông Thạch R cùng các con của bà Thạch Thị S gồm Thạch Thị N, Thạch Thị Bạch M1 và Thạch Nghi X thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà Thạch Thị S để lại là trả cho bà M1 số tiền là 139.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29/8/2022 đến ngày 26/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng số tiền lãi là 27.573.412 đồng. Ngoài ra, bà M1 không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Thạch R, ông R ủy quyền cho anh T1 Trần Thế N1 làm người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vợ ông Thạch R tên Thạch Thị S, sinh năm 1955 chết vào ngày 13/12/2022. Ông Thạch R và bà Thạch Thị S có 03 người con tên Thạch Thị N, sinh năm 1977; Thạch Thị Bạch M1, sinh năm 1980 và Thạch Nghi X, sinh năm 1983. Sau khi bà S chết thì bà Huỳnh Thị M có đến nhà yêu cầu gia đình ông R trả số tiền 139.000.000 đồng. Tuy nhiên khi vợ ông R còn sống thì gia đình ông R không hề hay biết việc vợ ông vay tiền của bà M. Đồng thời từ năm 2013 đến khi vợ ông R chết thì bà M chưa từng đến nhà đòi nợ hoặc đề cập đến khoản nợ nêu trên. Đối với các biên nhận đề ngày 03/02/2013, 22/5/2013, 20/4/2015, 20/9/2015, 06/02/2016, 19/9/2016, 30/11/2016, 10/4/2018, 11/02/2019, 27/6/2019, 24/01/2020, 23/7/2020, 22/01/2022, 29/8/2022 do bà M cung cấp thì gia đình ông R không ai biết và không có chứng kiến việc viết biên nhận nên không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Bạch M1 uỷ quyền cho anh T1 Trần Thế N1 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày trên của anh, không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 161, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 và Điều 651 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

Buộc ông Thạch R cùng các con của bà Thạch Thị S gồm Thạch Thị N, Thạch Thị Bạch M1 và Thạch Nghi X phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà Thạch Thị S (đã chết) để lại là trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền bà S đã vay của bà M là 139.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/8/2022 đến ngày 26/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 27.573.412 đồng trong phạm vi di sản của bà Thạch Thị S.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2024 ông Thạch R kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Thạch Thị S có hỏi mượn bà Huỳnh Thị M hai lần tổng số tiền đã mượn là 285.000.000 đồng. Đến ngày 22/01/2022, bà S có trả cho bà M số tiền là 141.000.000 đồng nên còn nợ lại bà M số tiền 144.000.000 đồng. Đến ngày 29/8/2022, bà S tiếp tục trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng và còn nợ bà M số tiền 139.000.000 đồng. Theo kết quả giám định số 224/KL-KTHS ngày 20/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T và kết quả giám định lại số 03/KL-KTHS ngày 16/4/2025 của V Bộ C kết luận các biên nhận nợ do bà M cung cấp với chữ ký tên của bà Thạch Thị S trên các mẫu so sánh do một người ký ra. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Thạch R không có chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Thạch R kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu ông Thạch R cùng các con của bà Thạch Thị S và ông Thạch R gồm Thạch Thị N, Thạch Thị Bạch M1 và Thạch Nghi X thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà Thạch Thị S, sinh năm 1955 (đã chết) trả tiền cho bà Huỳnh Thị M với số tiền gốc là 139.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/8/2022 đến ngày 26/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng số tiền lãi là 27.573.412 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn có cung cấp 14 biên nhận nợ đề các ngày 03/02/2013, 22/5/2013, 20/4/2015, 20/9/2015, 06/02/2016, 19/9/2016, 30/11/2016, 10/4/2018, 11/02/2019, 27/6/2019, 24/01/2020, 23/7/2020, 22/01/2022, 29/8/2022 và tờ cam kết thể hiện bà Thạch Thị S có vay tiền và trả tiền cho bà M. Ông T1 Trần Thế N1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các tờ biên nhận do bà S.

[2] Tại kết quả giám định số 224/KL-KTHS ngày 20/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T và kết quả giám định lại số 03/KL-KTHS ngày 16/4/2025 của V Bộ C kết luận các biên nhận nợ đề các ngày 03/02/2013, 22/5/2013, 20/4/2015, 20/9/2015, 06/02/2016, 19/9/2016, 30/11/2016, 10/4/2018, 11/02/2019, 27/6/2019, 24/01/2020, 23/7/2020, 22/01/2022, 29/8/2022 so với chữ ký tên của bà Thạch Thị S trên các mẫu so sánh do một người ký ra.

Bên đại diện bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh bà Thạch Thị S không có vay nợ của bà Huỳnh Thị M nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R.

[3] Sau khi thụ lý phúc thẩm ông Thạch R đã chết nên người thừa kế thứ nhất của ông Thạch R và bà Thạch Thị S phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 139.000.000 đồng và tiền lãi là 27.573.412 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Thạch R là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận.

Về lệ phí giám định: Ông Thạch R phải chịu 2.611.000 đồng. Ông T1 Trần Thế N1 là người đại diện ủy quyền đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 615 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử: Buộc bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Bạch M1, ông Thạch Nghi X là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thạch Thị Su P có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 166.573.412 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm mười hai đồng)* trong phạm vi di sản của bà T1 SuPhane chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Thạch R.

Về lệ phí giám định: Ông Thạch R phải chịu 2.611.000 đồng. Ông T1 Trần Thế N1 là người đại diện ủy quyền đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung